

LUẬT MA HA TĂNG KỲ

QUYỂN 33

Phần 2: NÊU DẪN VỀ PHẨM TẠP TỤNG VÀ PHÁP

OAI NGHI

NÓI RÕ PHẨM TẠP TỤNG THỨ MƯỜI MỘT

BẢY TRĂM VỊ ĐẠI HỘI KẾT TẬP, PHÁP TẠNG

Sau khi Phật Niết-bàn (khoảng một trăm năm), các Trưởng lão Tỳ-kheo ở Tăng-già-lam Sa-đôi, tại Tỳ-xá-ly, theo xin các đàn-việt, nói những lời bi ai như sau:

“Này Lão trưởng! Khi Đức Thế Tôn còn tại thế, chúng tôi được cúng dường bữa ăn trước, bữa ăn sau và các y phục, nay Thế Tôn đã Niết-bàn, chúng tôi trở thành cô độc, đâu có ai cho thứ gì. Các vị nên bố thí tài vật cho Tăng”.

Lúc ấy, có người cho một đồng, hai đồng, cho đến mười đồng. Thế rồi, họ đựng số tiền ấy vào trong cái thau, đến ngày Bố-tát, họ dùng cái chén nhỏ đựng số tiền ấy phân chia cho từng người theo thứ tự. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo trì luật là Da-xá được chia đầu tiên, liền hỏi:

- Đây là những thứ gì vậy?

- Đó là số tiền để mua thuốc men được phân chia theo thứ tự.

- Đi qua đi.

- Vì sao bảo đi qua? Trưởng lão định cúng dường cho Tăng sao?

- Đó là những vật bất tịnh.

- Thầy đã hủy báng Tăng, nói là vật bất tịnh, thế thì phải làm Yết-ma cử tội.

Đoạn, chư Tăng làm Yết-ma cử tội Da-xá. Thế rồi, Da-xá bèn đi đến chỗ Tôn giả Đà-ta-bà-la đang ở nước Ma-thâu-la, nói với Tôn giả như sau:

- Thưa Trưởng lão, tôi bị Tăng cử tội bắt thi hành pháp tùy thuận.
- Thầy vì cố gì mà bị cử tội?
- Thưa Trưởng lão, sự việc xảy ra như vậy, như vậy.
- Thầy không có tội gì mà bị cử tội. Vậy, tôi sẽ san sẻ pháp thực, vị thực cùng với thầy.

Da-xá nghe dạy như thế, liền thưa với chúng Tăng:

- Thưa các Trưởng lão, chúng ta phải kết tập lại Tạng luật, đừng để pháp Phật bị suy đồi.

- Thầy định kết tập tại đâu?

- Hãy trở lại nơi đã xảy ra sự việc mà kết tập.

Bấy giờ, chư Tăng tại nước Ma-thâu-la kết hợp với chư Tăng thành Xá-vệ gồm có bảy trăm người, tập trung về một nơi. Trong số đó, có người trì một bộ Luật, có người trì hai bộ Luật, lại có người trực tiếp thọ lãnh từ Thế Tôn, có người thọ lãnh từ hàng Thanh văn. Thế là, khi ấy, tại Tăng-già-lam Sa-đôi, thành Tỳ-xá-ly, các giường nệm đều được chuẩn bị tươm tất để bảy trăm vị Tăng mở đại hội. Trong số này, có người là phạm phu, có người đang học, có người vô học, có vị chứng ba minh, sáu thông được tự tại vô ngại. Lúc này, các vị Đại Ca-diếp-đạt-đầu-lộ, Ưu-ba-đạt-đầu-lộ, Tôn giả A-nan-đều đã nhập Niết-bàn cả.

Lúc này, vị Thượng tọa của chúng Tăng là Tôn giả Du-thâu-đa cất tiếng hỏi: “Ai nên kết tập Luật tạng?”. Các Tỳ-kheo đáp: “Tôn giả Đà-ta-bà-la nên kết tập”.

Đà-ta-bà-la thưa: “Thưa các Trưởng lão, còn có các Trưởng lão Tỳ-kheo khác, nên mời các vị ấy kết tập”.

Các Tỳ-kheo nói: “Tuy có các Thượng tọa khác, nhưng Đức Thế Tôn đã tuyên bố rằng Hòa thượng bốn sư của Trưởng lão đã thành tựu mười bốn pháp, trì luật đệ nhất, mà Trưởng lão từng thọ giáo trực tiếp, vậy nên kết tập”.

Đà-ta-bà-la nói: “Nếu bảo tôi kết tập, thì những gì như pháp xin tùy hỷ, những gì không như pháp xin ngăn lại, những gì không tương ưng cũng xin ngăn lại, đừng vì tôn trọng tôi mà để yên. Nói chung, những gì đúng nghĩa, không đúng nghĩa đều xin chỉ bảo cho biết”.

Mọi người đều đáp: “Vâng”.

Bấy giờ, Tôn giả Đà-ta-bà-la suy nghĩ: “Nay ta kết tập Luật Tạng như thế nào đây? Có năm pháp thanh tịnh, những gì như Pháp, như Luật thì Tăng sẽ tùy hỷ, những gì không như Pháp, như Luật thì Tăng sẽ ngăn cản. Năm pháp đó là gì? Đó là: Một là chế hạn tịnh, cho đến phong tục tịnh”. Thế rồi, thầy nói với chúng Tăng:

- Thưa các Trưởng lão, đây là thứ tự của chín pháp: Từ bốn Ba-la-di cho đến pháp, tùy thuộc pháp, tôi đã được nghe từ Hòa thượng rằng Đức Thế Tôn tại mỗ xứ, mỗ xứ, vì Tỳ-kheo Mỗ giáp, Mỗ giáp mà chế giới này, thưa có phải vậy không?

- Đúng như vậy, như vậy.

- Thưa các Trưởng lão, về năm việc thuộc giới luật như trên đã đề cập, trong đó nói rằng ai cần bát thì tìm bát, cần y thì tìm y, cần thuốc thì tìm thuốc, còn ai không có phương tiện thì được xin vàng bạc và tiền mặt. Như vậy đó, mong các Trưởng lão hãy tùy thuận học tập.

Đó gọi là trình bày tóm lược về việc bảy trăm người kết tập Luật tạng.

GIỚI LUẬT

Khi Phật an trú tại Tinh xá của dòng họ Thích bên cây Ni-câu-luật thuộc thành Ca-duy-la-vệ; lúc ấy có hai Tỳ-kheo ni, người thứ nhất tên Nan-đà, người thứ hai tên Uất-đa-la, theo Phật xin sáu tháng giáo giới như sau: “Lành thay Thế Tôn, xin Thế Tôn hãy nói sơ lược về Giới luật để chúng con được rõ”.

Phật nói với các Tỳ-kheo ni: “Này các Tỳ-kheo ni, tham dục, không hiểu nhân duyên, cùng nhau tập theo thói quen, luận bàn về việc thế tục, làm tăng trưởng thọ ấm, đa dục, không biết dừng lại, làm tăng trưởng tham dục, sân hận, ngu si, tranh tụng không hòa hợp, chẳng tịch tịnh, chẳng tỉnh giác, chẳng có Niết-bàn. Các người phải biết rằng đó là việc phi pháp, phi luật, trái lời ta dạy. Trái lại, các người phải biết rằng không ham muốn, hiểu rõ nhân duyên, không tập theo thói quen, không bàn luận việc thế tục, không làm tăng trưởng thọ ấm, ít muốn, biết đủ, không tham dục, sân hận và ngu si, lìa xa việc tranh tụng, sống hòa hợp, tịch tịnh, tỉnh giác, sẽ đạt Niết-bàn. Các người phải biết rằng, đó là pháp, là Luật, là điều ta dạy. Và đây chính là nói tóm tắt về Giới Luật.

Kệ tóm tắt:

*“Dùng dao trị, bình tưới,
Cạo tóc và dao cạo.
Hòa hợp, không hòa hợp,
Năm trăm và bảy trăm.
Nói tóm tắt Giới Luật,
Kết thúc phần thứ mười”.*

HỦY BÁNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo hủy báng các Tỳ-kheo khác về thành phần chủng loại. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Này các Tỳ-kheo, các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc ác. Từ nay về sau, Ta không cho phép hủy báng người khác.

Hủy báng: Bao gồm các phương diện: nghiệp, địa vị, dòng họ, tướng mạo, bệnh, tội lỗi, mắng mỏ, kiết sử.

Nghiệp: Gồm có: nói, tự biện hộ, có người.

Nói: Chẳng hạn nói: “Này Trưởng lão, trong đây có kẻ Chiên-đà-la, thợ đan giỏ, thợ làm da, thợ gổm, cho đến cai ngục, kẻ hàng thịt v.v...”. Đó gọi là nói.

Tự biện hộ: Chẳng hạn nói: “Thưa Trưởng lão, tôi không phải là Chiên-đà-la, cho đến không phải là cai ngục, là kẻ hàng thịt v.v...”. Đó gọi là tự biện hộ.

Có người: Như trong đây có người là Chiên-đà-la, cho đến kẻ cai ngục v.v... Đó gọi là có người.

Các vấn đề khác như địa vị, dòng họ, tướng mạo, bệnh, tội lỗi, kiết sử cũng như thế. Nếu ai đem các vấn đề trên ra hủy báng người khác thì phạm tội Việt-tỳ-ni. Đó gọi là hủy báng.

KỸ NHẠC

Khi Phật an trú tại vườn trúc Ca-lan-đà, lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo đi đến tụ điểm ca nhạc sớm nhất để xem, như là Tỳ-kheo đến chỗ ngồi thiền. Các nhạc công tụ họp xong bèn hòa nhạc. Trong lúc mọi người đều vui vẻ, cười nói, thì các Tỳ-kheo ngồi im lặng. Đến khi họ dứt cười, các Tỳ-kheo bèn vỗ tay cười ầm lên. Mọi người liền tranh nhau nhìn xem. Do thế, các nhạc công không thu được tiền, liền nổi xung, nói: “Các Tỳ-kheo này cà chớn, làm cho chúng ta không thu được tiền bạc gì cả. Đây là hạng người bại hoại, có đạo nào mà như thế!”.

Các Tỳ-kheo nghe như vậy, liền đem việc đó đến bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật bảo gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Đó là việc xấu. Từ nay về sau Ta không cho phép các Tỳ-kheo đi xem nhạc công hòa nhạc.

Nhạc công: Chẳng hạn những người đánh trống, ca múa, đánh đàn Tỳ-bà, đánh xập xĩa, đại khái chơi các loại nhạc cụ như thế, thậm chí dù chỉ bốn người họp lại vui chơi, Ta cũng không cho phép đến xem.

Nếu Tỳ-kheo vào xóm làng, thành phố mà gặp Thiên tượng xuất hiện, hay vua xuất hiện, có các nhạc công thổi các thứ nhạc, mình đi qua đường nhìn thấy thì không có tội. Nhưng nếu tạo phương tiện để xem thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu vào các ngày đại hội sinh nhật của Phật, ngày kỷ niệm Phật thành đạo, kỷ niệm ngày chuyển pháp luân, năm năm đại hội một lần, có sử dụng các nhạc phẩm để cúng dường Đức Phật, rồi đàn-việt nói: “Xin các Tôn giả hãy hòa mình với chúng con để cúng dường Đức Thế Tôn”, thì khi ấy, được hòa mình chung vui với họ. Nhưng nếu tại nơi đại hội có thổi các nhạc phẩm mà mình sinh tâm nhiễm vương, thì nên đứng dậy bỏ đi. Đó gọi là kỹ nhạc.

HƯƠNG HOA

Khi Phật an trú tại thành Vương-xá, lúc ấy nhằm ngày lễ hội, Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà thuộc nhóm sáu Tỳ-kheo dùng hương thơm thoa vào mình, mang các vòng hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bặc, có người còn mang cả vòng hoa cỏ mà đi, nên bị người đời chê cười: “Vì sao Sa-môn Thích tử mà mang những vòng hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bặc, giống như vương tử, đại thần? Thậm chí có người còn mang cả vòng hoa cỏ giống như kẻ tôi đòi hạ tiện. Đây là hạng người bại hoại, nào có đạo hạnh gì”.

Các Tỳ-kheo nghe thế, liền đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật bảo đi gọi nhóm sáu Tỳ-kheo đến. Khi họ tới rồi, Phật liền hỏi:

- Nay các Tỳ-kheo, các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, Ta không cho phép thoa hương, mang vòng hoa.

Hương: Như loại hương chiên-đàn trầm thủy, và các loại hương tương tự như thế đều không được dùng. Nhưng nếu mắc bệnh nhiệt, mà thầy thuốc bảo: “Cần phải dùng hương chiên đàn để thoa” thì khi ấy được dùng để thoa. Nhưng trước khi thoa, phải cúng dường tháp Phật rồi mới đem thoa vào mình. Khi thoa vào mình không được ở trong chúng

mà phải ở tại chỗ vắng vẻ. Đến khi lành bệnh, phải tắm rửa thân thể sạch sẽ rồi mới vào trong chúng.

Hoa: Như hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bạc, hoa Tu-ma-đầu, tất cả các loại hoa như thế không nên mang.

Nếu Tỳ-kheo bị bệnh đau mắt, đau đầu, rồi thầy thuốc bảo phải mang vòng hoa trên đầu bệnh mới lành, thì được phép mang. Nhưng khi muốn mang thì nên đem cúng tháp Phật trước rồi mới mang. Khi đã mang thì không được tới chỗ đông người mà phải ở chỗ thanh vắng, và khi bệnh lành thì phải bỏ.

Nếu thoa hương mà không mang hoa thì phạm một tội Việt-tỳ-ni.

Nếu mang hoa mà không thoa hương thì phạm một tội Việt-tỳ-ni.

Nếu dùng cả hai thì phạm hai tội.

Nếu cả hai đều không dùng thì không có tội.

Đó gọi là thoa hương, mang hoa.

SOI GƯƠNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, ở Tinh xá Kỳ-hoàn, có đàn-việt đến cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Khi đánh kiền chùy thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đang soi gương, hồi lâu không đến, nên bị đàn-việt chê trách: “Ta bỏ cả việc nhà, đến đây cúng dường trai phạn cho Tăng, mà đến giờ ăn, các Tỳ-kheo không chịu tập họp”.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên thế Tôn. Phật liền bảo gọi Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà đến. Khi họ đến rồi, Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, Ta không cho phép soi gương. Gương chỉ cho các loại như dầu, nước, kính; không được vì thích đẹp mà đến soi mặt vào các thứ đó.

Nếu vừa bớt bệnh, đến gương soi mặt xem bệnh đã bớt hay chưa, hoặc vừa mới cạo đầu đến soi xem có sạch hay không sạch, hoặc đầu mặt bị gẻ góc, đến soi xem, thì không có tội.

Nếu vì thích đẹp mà soi gương thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Đó gọi là soi gương.

GÁNH VÁC

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng-dã, bấy giờ, thầy Tỳ-kheo doanh sự gánh vác gạch ngói, đất cát, bị người đời đàm tiếu: “Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ nô bộc, người làm công, gánh vác đất cát? Đây là hạng người bại hoại, có đạo nào như thế!”.

Các Tỳ-kheo đem sự việc ấy bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo doanh sự đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

- Nay Tỳ-kheo, ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, Ta không cho phép gánh vác.

Gánh vác: Như gánh vác các thứ giỏ dây, lồng.

Nếu vác đòn gánh mà không có giỏ thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối.

Nếu vác giỏ, không có đòn gánh thì phạm tội Việt-tỳ-ni tâm hối.

Nếu gánh vác cả hai thì phạm tội Việt-tỳ-ni.

Nếu tại Tinh xá, Thiền viện có đá, tre, gỗ nặng thì được gánh vác.

Nếu được tăng phân công làm công việc phải dùng bình, lu lấy nước, thì được dùng dây buộc lại rồi gánh.

Nếu gánh túi xách y ở đằng trước, đằng sau, hay gánh túi đựng bát ở đằng trước đằng sau, đều phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu túi y dài lòng thòng nên phải cuộn lên vai rồi đặt bát lên trên thì không có tội,

Đó gọi là gánh vác.

XĂN QUẦN ÁO

Khi Phật an trú tại Tinh xá Khoáng dã, lúc ấy thầy Tỳ-kheo doanh sự xắn y áo để chuyên chở gạch đá, đất cát, bị người đời đàm tiếu: “Vì sao Sa-môn Thích tử mà giống như kẻ nô bộc người ta, xắn áo để làm việc? Đây là hạng người bại hoại, có đạo nào như thế?”.

Các Tỳ-kheo nghe thế, bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi Tỳ-kheo doanh sự đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

- Nay Tỳ-kheo, ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn.

- Từ nay về sau, Ta không cho phép xắn y áo.

Xăn: Nghĩa là xắn một bên, hai bên, đều không được phép. Nếu

nhồi đất để đổ trên mái nhà hoặc tô tường thì được xăn nội y.
Đó gọi là xăn quần áo.

LEO CÂY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, Đức Thế Tôn đến xứ Uất-đơn-việt khát thực. Lúc ấy, các Tỳ-kheo suy nghĩ: “Khi Thế Tôn trở về chắc chắn sẽ dùng thần túc mà đi”. Thế nên, có người leo lên cây, người leo lên tường để trông ngóng Thế Tôn. Thế Tôn biết tâm niệm các Tỳ-kheo như vậy nên ẩn thân, trở về ngôi an ổn trong phòng. Rồi Phật hỏi: “Các Tỳ-kheo đi đâu cả?”. Một Tỳ-kheo bèn đem sự việc trên bạch đầy đủ lên Thế Tôn. Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép leo cây”.

Cây: Nếu cây cao ngang đầu người thì không được leo.

Nếu làm lễ kỷ niệm cây Bồ-đề mà một chân trèo lên cây, một chân trèo lên tường, thì phạm tội Việt tỳ-ni tâm hối.

Nếu cả hai chân đều leo lên cây thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Nếu cả hai chân đều leo lên tường thì không có tội.

Trường hợp leo lên thang cũng như thế.

Nếu đang đi bị lạc đường không rõ phương hướng, phải leo lên cây nhìn phương hướng thì không có tội.

Nếu bị cọp, sói, sư tử v.v... các loại tương tự như thế uy hiếp, thì được trèo lên cây, không có tội.

Đó gọi là leo cây.

NHÓM LỬA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, đến giờ khát thực, Thế Tôn khoác y, cầm bát vào thành tuần tự khát thực. Sau khi khát thực trở về, Thế Tôn thu dọn giường nệm, không nói với thị giả và Tỳ-kheo tăng, Ngài đi đến nước Câu-tát-la, vào rừng Ba-lợi-da-bà-la, an trú dưới cây Hiền thiện, nhận sự cúng dường của con voi chúa trong ba tháng. Đoạn nói về việc trời lạnh, tuyết rơi lúc phi thời, các Tỳ-kheo nhóm lửa để sưởi, bị người đời dị nghị: “Sa-môn Cù-Đàm dùng vô lượng phương tiện khiển trách sự sát sinh, khen ngợi không sát sinh, thế mà giờ đây, Tỳ-kheo đốt lửa làm cháy đất, hại đến gốc cây”.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép nhóm lửa”. Lửa gồm có

các thứ như: lửa củi, lửa cỏ, lửa phân bò, lửa trâu, lửa dăm bào. Không được đốt chỗ đất chưa bị cháy. Nếu đến phiên mình coi sóc nhà sưởi, hoặc đến phiên trực nguyệt, phiên hun bát, thì nên sai tịnh nhân nhóm lửa trước, rồi mình mới chụm lửa thì không có tội.

Khi cầm đuốc đi, muốn dụi tắt đuốc, thì không được dụi ở chỗ đất sống mà nên dụi trên đồng tro, hoặc trên ngói gạch. Nếu tàn đuốc rơi xuống đất, rồi mình đập cho tắt, thì không có tội.

Nếu nhóm lửa ở chỗ đất chưa bị cháy thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Đó gọi là nhóm lửa.

CHÉN ĐỒNG

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, bấy giờ, cư sĩ Uất-kiệt mở cuộc đại thí, bố thí năm trăm con voi, năm trăm con ngựa, năm trăm con bò, năm trăm con trâu, năm trăm tỳ nữ, năm trăm nô bộc, trong các thứ bố thí có cả chén đồng. Các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, liền đến hỏi Thế Tôn đó là vật thanh tịnh (hợp pháp), hay không thanh tịnh, nên nhận hay không nên nhận. Phật dạy: “Tất cả chén đồng Ta đều không cho phép nhận. Nếu đàn-việt cúng dường Tăng vật thanh tịnh thì nên chú nguyện rồi mới nhận. Nếu ai cất riêng chén đồng thì phạm tội Việt tỳ-ni, nhưng được đem nó cho tịnh nhân, rồi mượn sử dụng thì không có tội”.

Đó gọi là chén đồng.

CHUYỂN HƯỚNG VẬT CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, được chư Thiên, người đời có lòng tin tôn trọng, đem các thực phẩm đến cúng dường Phật, Tỳ-kheo Tăng, Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại-mục-liên và các Tỳ-kheo khác. Lúc ấy, nhóm sáu Tỳ-kheo sáng sớm ra đứng trước cổng Tinh xá, thấy người ta mang thức ăn đến, liền hỏi:

- Thức ăn này cúng dường cho ai vậy?
- Cúng dường cho Thế Tôn.
- Thế Tôn nên cúng dường. Thế còn thức ăn này cúng dường cho ai?
- Cúng dường cho chúng Tăng.
- Chúng Tăng nên cúng dường. Thế còn thức ăn này cúng dường cho ai?
- Cúng dường cho Tôn giả Xá-lợi-phất và Đại-mục-liên.

- Những người này nên cúng dường. Còn thức ăn này cúng dường cho ai?

- Cúng dường cho Tỳ-kheo Mỗ giáp.

- Mỗ giáp già bệnh, không thể ăn được, chỉ phí đồ cúng dường của người thôi; nên cúng dường cho ta, ta sẽ chú nguyện cho người để người được công đức cúng dường.

Khi ấy, người kia vì có niềm tin liền cúng dường. Thế nhưng, gặp kẻ có trí không chịu cúng, mà nói: “Vì sao ta lại cúng dường cho kẻ không biết hổ thẹn này?”.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn, cho đến Phật hỏi nhóm sáu Tỳ-kheo:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Đó là việc ác. Vì sao các ông biết phẩm vật đó thí chủ định cúng dường cho người khác mà bảo họ cúng dường cho mình? Từ nay về sau, Ta không cho phép khi biết vật thí chủ định cúng dường cho người khác mà bảo cúng cho mình.

Vật: Gồm có tám thứ: thức ăn đúng giờ, cho đến các vật hợp lệ không hợp lệ, như trên đã nói rõ.

Nếu người ta hỏi: “Thưa Tôn giả, con muốn cúng dường, vậy nên cúng dường nơi nào?”, thì nên đáp: “Cúng dường cho chúng Tăng”.

Nếu thí chủ hỏi: “Nơi nào có chư Tăng trì giới?”, thì nên nói: “Không có chúng Tăng nào lại phạm giới; người chỉ lo việc cúng dường mà thôi”.

Nếu thí chủ hỏi: “Nơi nào có Tỳ-kheo thường ở yên một chỗ tu tập hạnh nghiệp, để vật cúng dường còn mãi tại đó con được thấy luôn?”, thì khi ấy hãy nói: “Nên cúng dường cho Tỳ-kheo Mỗ giáp”.

Nếu biết vật đó thí chủ định cúng cho Tăng mà bảo họ cúng cho mình, thì phạm tội Ni-tát-kỳ-ba-dạ-đề.

Nếu biết vật đó họ định cúng cho Tăng, mà bảo họ cúng cho người khác, thì phạm tội Ba-dạ-đề.

Nếu biết vật đó họ định cúng cho nhóm người này mà bảo họ cúng cho nhóm người khác, hoặc biết họ định cúng cho một người này mà bảo họ cúng cho một người khác, thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Cuối cùng, nếu biết vật đó họ bố thí cho súc sinh này mà bảo họ bố thí cho súc sinh khác thì phạm tội Việt tỳ-ni tâm hối.

Đó gọi là chuyển hướng vật cúng dường.

Kệ tóm tắt:

*“Hủy báng, xem tấu nhạc,
Mang vòng hoa, soi gương.
Gánh vác, xắn áo quần,
Trèo cây, tự nhóm lửa.
Chén đồng, chuyển hướng vật,
Hết phần thứ mười một”.*

CHÚNG SINH

Khi Phật an trú tại thành Vương xá, bấy giờ, cư sĩ Uất Kiệt mở hội đại thí năm trăm con voi, cho đến năm trăm nô tỳ. Các Tỳ-kheo tâm sinh nghi, đi đến hỏi Phật xem thanh tịnh hay không thanh tịnh, nên nhận hay không nên nhận. Phật dạy: “Tất cả chúng sinh đều không cho phép nhận”.

Chúng sinh như: Voi, ngựa, bò, trâu, lừa, dê, chươg, nai, heo, nô tỳ và tất cả chúng sinh khác đều không nên nhận.

Nếu người ta nói: “Con cúng tỳ nữ này cho chúng Tăng”, thì không được nhận.

Nếu họ nói: “Con cúng cho chúng Tăng người đàn bà làm vườn này”, thì không được nhận.

Nếu họ nói: “Con cúng cho chúng Tăng tên nô bộc này”, thì không được phép nhận.

Nếu họ nói: “Con cúng cho chúng Tăng người giúp việc này”, thì không nên nhận.

Nếu họ nói: “Con cung cấp cho Tăng nam tịnh nhân này”, thì được phép nhận.

Nếu họ đem một tỳ nữ cho một Tỳ-kheo, thì không được phép nhận. Hoặc họ cho một người nô bộc, một người giúp việc, một người làm vườn đều không được phép nhận.

Nếu họ cho tịnh nhân để giúp việc cho chư Tăng thì được nhận.

Nếu họ cho nô bộc cho Ni chúng thì không được phép nhận.

Nếu họ cho người làm vườn cũng không được phép nhận. Hoặc họ cho tỳ nữ cũng không được phép nhận.

Nếu họ nói: “Con cung cấp cho Ni chúng nữ tịnh nhân này”, thì được phép nhận.

Nếu họ cho riêng một Tỳ-kheo-ni một người nô bộc, thì không được phép nhận. Hoặc họ cho người làm vườn cũng không được phép nhận.

Nếu họ cho nữ tịnh nhân để giúp việc cho Tăng, thì được phép nhận.

Nếu đàn-việt tổ chức lễ Đản sinh của Phật, lễ Phật thành đạo, lễ kỷ niệm Chuyển pháp luân, lễ kỷ niệm La-hầu-la, lễ kỷ niệm A-nan hay đại hội năm năm một lần, rồi đàn-việt có lòng tin hoan hỷ trang sức voi, ngựa đem cúng dường cho chúng Tăng, thì không được phép nhận.

Nếu đàn-việt đem chim oanh vũ, chim công, gà, dê, chương, nai đến cúng dường, thì không được nhận.

Nếu họ nói: “Thầy không nhận thì con sẽ giết nó”, thì nên bảo: “Ông nên tự tay thả nó đi”. Khi họ thả rồi, thì nên cung cấp thức ăn, nước uống, giữ gìn, đừng để chúng bị thương tổn. Không được cắt lông cánh rồi nhốt nó trong lồng. Nếu nó có thể bay, đi tự nuôi sống được, thì nên thả nó đi, không nên nhốt lại.

Nếu nhận chúng sinh thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Đó gọi là chúng sinh.

CÂY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, có đàn-việt trồng xoài trong vườn của chư Tăng, rồi một Tỳ-kheo chặt cây ấy để làm phòng cho một cư sĩ. Khi làm phòng xong, họ tổ chức bố thí giường nệm, mời chư Tăng đến cúng dường. Lúc ấy, người đàn-việt trồng xoài trước kia cũng có mặt nơi đây. Ông ta thấy thế, liền hỏi Tỳ-kheo đốn cây:

- Thưa Tôn giả, đây là phòng của ai thế?

- Đây là phòng của cư sĩ Mỗ giáp.

- Thưa Tôn giả, vì sao lại lấy cây của con trồng đem làm phòng cho người khác? Phòng này phải là phòng của con.

Do thế, lòng ông không vui, liền đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân rồi đứng qua một bên, đem sự việc trên trình bày lại đầy đủ với Thế Tôn. Phật bèn thuyết pháp dạy bảo, khiến ông được lợi ích, hoan hỷ, bèn đảnh lễ chân Phật rồi ra đi trong niềm hân hoan. Đoạn, Phật bảo gọi Tỳ-kheo kia đến. Khi thầy tới rồi, Phật liền hỏi:

- Nay Tỳ-kheo, ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Vì sao ông đốn cây có hoa trái để làm phòng? Từ nay về sau, Ta không cho phép chặt cây có hoa trái. Cây có hoa trái như các loại: cây xoài, cây dâm bụi, cây tỳ-la, cây ca-tỳ-đà, cây phả-na-ta, cây dừa, cây vô ưu, cây chiêm bà, cây chỉ-tát-la, cây a-đề-mục-đa, đại loại tất cả các

cây có hoa quả tương tự như vậy đều không được chặt để làm phòng.

Nếu cây già, không có hoa trái thì nên nói với đàn-việt: “Này lão trượng, cây này đã già rồi, nên dùng làm phòng cho Tăng ở sẽ được phước đức”. Nếu chủ nhân đồng ý thì được lấy. Nếu họ không đồng ý thì không được lấy. Nếu cần dùng cây mà làm phương hại đến đất, thì nên bảo tịnh nhân lấy xương cá trám xuống, hoặc dùng nước tro rưới xuống.

Nếu cây đã chết thì nên nói với đàn-việt: “Cây này đã khô rồi, tôi cần dùng đến nó”. Nếu họ đồng ý thì được phép lấy dùng.

Nếu Tỳ-kheo chặt cây có hoa trái thì phạm tội Việt tỳ-ni.

Đó gọi là cây.

VẤN ĐỀ ĐỐT CỬI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tinh xá ở ven thôn, rồi một Tỳ-kheo khách đến đó chặt củi. Cฤu Tỳ-kheo thấy thế, nói: “Vì sao thầy chặt phá cây cối mà chúng tôi đã trồng một cách khó nhọc? Thầy là khách, khi đến đây chỉ nên tìm chỗ bóng râm mát mẻ mà ngồi; thầy đã không biết thương tiếc giữ gìn mà còn chặt phá bừa bãi, không biết nỗi khổ của tôi, ngày mai hãy đi đi”. Nói thế rồi, thầy đi khát thực. Sau khi thầy đi rồi, Tỳ-kheo khách bèn chặt cả củi khô, củi tươi chất một đống trước phòng rồi đốt. Cฤu Tỳ-kheo sau khi khát thực trở về, thấy thế liền nói: “Vì sao thầy chặt cả củi khô, củi tươi chất đống rồi đốt?”. Khách Tỳ-kheo nói: “Vì sao thầy tự lấy củi đốt được mà lại ngăn cản tôi?”. Hai Tỳ-kheo tranh cãi nhau như thế. Đoạn, họ dẫn nhau đến chỗ Phật, cúi đầu, đánh lễ chân Phật, rồi trình bày đầy đủ sự việc trên. Phật liền nói với hai Tỳ-kheo: “Các ông không nên tự cho phép mình lấy mà ngăn cản người khác, đồng thời cũng không được chặt cả củi khô, củi tươi chất đống trước phòng rồi đốt mà phải biết giữ gìn chung. Phép đốt củi phải có chuẩn mực: chừnng ấy để đốt trong phòng sưởi, chừnng ấy để chụm dưới bếp, chừnng ấy để dùng trong phòng tắm, chừnng ấy để dùng trong phòng riêng, phải chia ra có chừnng mực, không được lấy quá mực. Nếu không phân chia trước thì đốt nhiều không có tội. Ta không cho phép chặt cây ươi mà phải chặt cây khô. Không được đốn những cây trông đẹp mắt ở xung quanh tăng viện. Còn những cây trong rừng núi không có người giữ gìn thì chặt không có tội. Đó gọi là vấn đề đốt củi.

VẤN ĐỀ HOA

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo khách đến một Tăng-già-lam ở bên thôn hái hoa. Cฤu Tỳ-kheo nói: “Vì sao thầy hái hoa? Tôi đã nhọc nhằn trông nó, rồi chăm sóc tưới bón. Thầy là khách tới đây chỉ cần tìm bóng mát mà ngồi, không nên tùy tiện bẻ phá làm theo ý mình, rồi ngày mai ra đi không hiểu đến nỗi khổ của tôi”. Cฤu Tỳ-kheo nói như vậy rồi đi khát thực. Sau khi thầy đi, khách Tỳ-kheo bèn bẻ những cành đã ra hoa và những cành chưa ra hoa một cách bừa bãi, rồi đem chất thành đống trước phòng. Khi khát thực trở về, cฤu Tỳ-kheo thấy đống hoa liền nói: “Vì sao thầy bẻ hoa?”.

Tỳ-kheo khách hỏi lại: “Vì sao thầy có thể bẻ được mà lại ngăn cản tôi?”.

Hai người cãi nhau xong rồi cùng nhau đi đến chỗ Phật bạch đầy đủ sự việc trên. Phật liền nói với cฤu Tỳ-kheo: “Ông không nên tự bẻ hoa mà lại ngăn cản người khác, mà cần phải thương tiếc giữ gìn. Còn khách Tỳ-kheo cũng không được tùy tiện bẻ cả những cành đã ra hoa và những cành chưa ra hoa rồi đem chất đống trước phòng. Người nào hội đủ năm điều kiện sau đây thì nên cử họ chia hoa. Năm điều đó là: không thiên vị, không giận giữ, không ngu si, không sợ hãi và biết ai đã được hoa rồi, ai chưa được. Đó gọi là năm điều kiện. Đoạn, người làm Yết-ma nên nói như sau:

- Xin Đại đức Tăng lắng nghe! Tỳ-kheo Mỗ giáp thành tựu năm pháp, nếu thời gian của Tăng đã đến, Tăng cử Tỳ-kheo Mỗ giáp làm người chia hoa. Đây là lời tác bạch.

Bạch xong, làm một lần Yết-ma, cho đến “Vì Tăng đã bằng lòng nên im lặng. Việc này cứ như thế mà thi hành”.

Vị Tỳ-kheo nhận pháp Yết-ma rồi nên bảo tịnh nhân chăm sóc hoa. Nếu hoa nhỏ thì nên dùng chén đồng để chia, hoặc dùng tay ước lượng để chia. Nếu các loại hoa lớn như hoa Ưu-bát-la, hoa Chiêm-bặc, hoa Bát-đầu-ma, hoa Phân-đà-lợi thì nên đếm mà chia. Nếu phần hoa của Phật thì nên dâng lên Phật. Nếu hoa của Tăng thì tùy ý cúng dường, hoặc trao đổi nhau. Nếu hoa quá nhiều thì nên đưa cho cửa hàng bán hoa và bảo họ: “Mỗi ngày bà phải đưa cho tôi chừng ấy vòng hoa, số còn lại bà hãy trả cho tôi chừng ấy tiền”. Khi được tiền bán hoa có thể dùng sắm y cho phòng riêng, hoặc sắm thức ăn trước, thức ăn sau. Nếu số tiền lớn thì nên bỏ vào ngân quỹ của chùa.

Đó gọi là nguyên tắc sử dụng hoa.

VẤN ĐỀ TRÁI

Vấn đề trái tương tự như cách sử dụng hoa đã nói ở trên, cho đến sau khi làm Yết-ma xong phải bảo tịnh nhân chăm sóc. Nếu trái nhỏ thì nên dùng vật gì đong để chia, hoặc dùng tay ước lượng để chia. Nếu trái lớn như các loại trái đa-la, trái tỳ-la, trái dừa, trái ta-na-sa, trái xoài thì nên đếm mà chia. Nếu trái nhiều thì nên đưa cho người bán trái cây rồi bảo họ hằng ngày phải đưa cho mình chừng ấy trái, số còn lại thì phải trả chừng ấy tiền. Số tiền ấy nên sắm thức ăn trước, thức ăn sau. Nếu còn dư thì nên bỏ vào ngân quỹ của chùa. Đó gọi là phép sử dụng trái.

VẤN ĐỀ TRỒNG CÂY

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy có một Tỳ-kheo trồng xoài trong đất của Tăng, rồi chăm sóc cho lớn, tự hái trái mà không cho người khác hái. Các Tỳ-kheo nói: “Vì sao thầy tự hái được mà ngăn cản người khác?”. Thầy đáp: “Vì cây này tôi trồng và chăm sóc cho đến khi lớn”.

Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền dạy: “Người trồng cây này có công đức, nên cho họ hưởng một năm. Phép hưởng một năm là: Nếu Tỳ-kheo trồng các loại cây ăn quả như xoài, Diêm-phù-đề và các loại tương tự như thế thì cho hái trái một cây trong một năm. Nhưng nếu cây lớn không muốn cho hái quả một cây cả năm thì nên cho hằng năm hái quả một cành. Nếu cành cây ấy bị gãy hoặc khô thì chấm dứt. Nếu vị ấy trồng cả vườn cây thì nên cho hưởng trọn một năm. Nếu vị ấy muốn hái quả hằng năm của một cây thì cũng chuẩn thuận.

Nếu ai trồng cải, hành, hoặc các loại rau tương tự như thế thì cho họ được cắt một bó. Nếu trồng dưa, bầu thì cho hưởng một kỳ ra trái.

Đó gọi là phép tặc trồng cây.

PHÉP TRỊ TỘI

Có người do thân hành động, miệng nói năng, thân miệng hành động; hoặc do thân không thu giữ, miệng không thu giữ, thân miệng không thu giữ nên phạm tội; nói chung, do thân gây ra, miệng gây ra và cả thân miệng cùng gây ra tội lỗi. Trái lại, trường hợp không có tội là: Thân không hành động, miệng không nói năng, thân miệng không hành động. Hoặc thân được thu giữ nên không phạm tội, miệng được thu giữ

nên không phạm tội, thân miệng được thu giữ nên không phạm tội. Nói chung, thân không gây ra, miệng không gây ra, thân miệng không gây ra các hành vi sai trái, nên không có tội.

Hỏi: Nếu có người phạm tội Ba-la-di thì phải trị phạt bằng cách nào?

Đáp: Hoặc cho họ trở về làm người thế tục; hoặc cho họ học làm Sa-di; hoặc trục xuất ra khỏi Tăng đoàn.

Hỏi: Nếu có người phạm tội Tăng-già-bà-thi-sa thì phải trị phạt bằng cách nào?

Đáp: Nếu không che giấu thì cho hành pháp Ma-na-đỏa, rồi cho xuất tội. Nếu có che giấu thì cho hành Biệt trú, Ma-na-đỏa, rồi cho xuất tội.

Hỏi: Nếu có người phạm tội Ni-tát-kỳ thì phải trị phạt bằng cách nào?

Đáp: Nên đem vật đã vi phạm đến xả giữa Tăng - nếu là Thượng tọa - rồi cúi đầu, đảnh lễ ôm chân vị chủ sám. Nếu là Hạ tọa thì nên quì gối chấp tay, nói như sau: “Thưa Trưởng lão, tôi phạm giới cất y lâu ngày, đã đem xả giữa chúng Tăng, nay xin sám hối tội Ba-dạ-đề”. Vị chủ sám nên hỏi:

- Thấy có thấy tội ấy không?
- Dạ thưa thấy.
- Đừng tái phạm nhé!
- Xin cúi đầu vâng giữ.

Ngoài ra, phạm các tội Ba-dạ-đề, Ba-la-đề-đề-xá-ni, Việt tỳ-ni, thì chỉ có tên tội sai khác, nhưng cách trị phạt cũng thế.

Đó gọi là phép trị tội.

Kệ tóm tắt:

*“Chúng sinh và trồng cây,
Đốn củi cùng hoa trái.
Người trồng hưởng một năm,
Phép trị phạt các tội.
Hết phần thứ mười hai”.*

PHÁP DIỆT TRÁNH

Pháp này gồm có bảy, đó là:

1. Hiện tiền Tỳ-ni.
2. Ưc niệm Tỳ-ni.

3. Bất-si Tỳ-ni.
4. Tự ngôn Tỳ-ni.
5. Mịch tội tướng Tỳ-ni.
6. Đa mịch Tỳ-ni.
7. Thảo bố địa Tỳ-ni.

Đó gọi là pháp Diệt tránh (những nguyên tắc dùng để dập tắt sự tranh cãi).

SỰ TRANH CÃI

Gồm có bốn trường hợp, đó là:

1. Tướng ngôn tránh.
2. Phỉ báng tránh.
3. Tội tránh.
4. Thường sở hành sự tránh.

Đó là bốn trường hợp nảy sinh tranh cãi.

ĐIỀU PHỤC

Gồm có:

1. Yết-ma hàng phục.
2. Yết-ma bất ngữ.
3. Yết-ma khu xuất.
4. Yết-ma phát hỷ.
5. Yết-ma cử (tội).
6. Yết-ma biệt trú.

Đó gọi là điều phục.

Các việc cần điều phục.

Thuộc về năm nhóm tội:

1. Ba-la-di.
2. Tăng-già-bà-thi-sa.
3. Ba-dạ-đề.
4. Ba-la-đề-đề-xá-ni.
5. Việt tỳ-ni.

Đó gọi là các việc cần điều phục.

NGHE PHÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy các Tỳ-kheo bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Có cho phép chúng con làm nhà tranh không?

- Cho phép.

- Bạch Thế Tôn! Có cho phép xây vách, làm cánh cửa, làm ngưỡng cửa, trét đất, vẽ năm loại hình ảnh không?

- Cho phép. Nay các Tỳ-kheo! Như trong thời quá khứ có vị vua tên là Cát-lợi làm Tinh xá cho Phật Ca-diếp một tầng, hai tầng cho đến bảy tầng. Thế rồi, ông cho chạm khắc các hình tượng và cho vẽ các thứ chỉ trừ hình tượng nam nữ giao hợp. Các loại hình tượng đó là: Tượng Tỳ-kheo Trưởng lão; chùm trái nho; hình cá ma-kiệt; hình con ngỗng; tượng tử thi; hình núi rừng. Các loại tượng tự như thế gọi là năm loại hình vẽ.

Khi Phật ở tại thành Xá-vệ cho phép làm phòng; lúc ở thành Tỳ-xá-ly cho phép dùng sữa, sữa chua, sữa đóng váng; lúc ở Tinh xá Khoáng Dã cho phép dùng cá, thịt. Ngài cho phép dùng các thứ như thế, chế định các thứ như thế đều tại tám thành phố lớn sau đây:

1. Thành Xá-vệ.
2. Sa-kỳ.
3. Chiêm-bà.
4. Ba-la-nại.
5. Câu-diệm-di.
6. Tỳ-xá-ly.
7. Vương xá.
8. Ca-tỳ-la-vệ.

Đối với chín bộ kinh, nếu có quên nơi thuyết giảng thì có thể kể tên một trong tám thành phố lớn ở trên, chính là nơi mà Thế Tôn đã tuyên thuyết.

Đó gọi là nghe pháp.

DẦU THOA MẶT

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có đàn-việt đến Tinh xá cúng dường trai phạn cho chúng Tăng; lúc nghe tiếng kiền chùy đánh thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà còn đang thoa dầu vào mặt, không đến đúng giờ, nên bị đàn-việt chê trách. Các Tỳ-kheo bèn đem việc ấy đến bạch lên Thế Tôn. Phật liền bảo gọi hai Tỳ-kheo ấy đến. Khi họ đến rồi,

Phật liền hỏi:

- Các ông có việc đó thật không?

- Có thật như vậy, bạch Thế Tôn!

- Từ nay về sau, Ta không cho phép bôi dầu vào mặt. Dầu gồm có các loại: dầu mè; dầu đại ma; dầu hoa a-đề-mục-đa; dầu hoa chiêm-bà... Nếu ai vì trang sức mà thoa các loại dầu thơm như thế lên mặt thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng khi tắm rửa thì được dùng dầu, hoặc khi gội đầu thì được dùng bột, dầu thoa chân đổ trong bàn tay rồi xoa lên mặt thì không có tội.

Đó gọi là phép dùng dầu thoa mặt.

PHÉP DÙNG PHẤN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ có đàn-việt đến Tinh xá Kỳ-hoàn cúng dường trai phạn cho chúng Tăng. Lúc nghe tiếng bồng đánh thì nhóm sáu Tỳ-kheo còn đang thoa phấn lên mặt không đến đúng giờ nên bị đàn-việt chê trách. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn, cho đến câu Phật dạy: “Từ nay về sau, Ta không cho phép các Tỳ-kheo dùng phấn bôi lên mặt. Phấn có các thứ như phấn ma-na-thạch, phấn diên tích, đại loại các thứ như thế. Nếu Tỳ-kheo vì thích đẹp, thậm chí bôi đất đỏ lên mặt, thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng nếu trên mặt bị mọc mụn nhọt, sảy thì bôi phấn không có tội, khi thoa không được ở giữa mọi người, mà nên ở chỗ vắng. Đó gọi là phép dùng phấn”.

PHÉP DÙNG BÀN CHẢI

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến nhóm sáu Tỳ-kheo đang bàn chải đầu không đến đúng giờ nên bị đàn-việt chê trách. Các Tỳ-kheo bèn đem sự việc đó đến bạch lên Thế Tôn. Thế rồi, Phật nói: “Ta không cho phép Tỳ-kheo dùng bàn chải chải đầu. Bàn chải gồm các thứ như bàn chải bằng lông, bằng rễ cỏ, đại loại các thứ tương tự như thế. Thậm chí nếu vì thích đẹp mà dùng tay vuốt đầu thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng khi cạo đầu xong, dùng tay xoa trên đầu thì không có tội. Đó gọi là phép dùng bàn chải”.

PHÉP DỪNG LƯỢC

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Ngài chế giới không cho phép dùng bàn chải, rồi một hôm đàn-việt cúng dường cơm cho chúng Tăng; đến lúc nghe bảng đánh thì Nan-đà, Ưu-ba-nan-đà còn dùng lược chải đầu, không tới đúng giờ nên bị đàn-việt chê trách. Thế rồi, Phật dạy: “Ta không cho phép dùng lược. Lược gồm có các loại như lược bằng răng, lược bằng xương, lược bằng sừng, lược bằng cây. Đại loại tất cả các thứ lược tương tự như thế đều không được phép dùng; thậm chí nếu vì thích đẹp mà dùng tay vuốt đầu thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là phép dùng lược”.

PHÉP DỪNG TRÂM

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, sau khi Thế Tôn chế giới không cho phép dùng lược, cho đến nhóm sáu Tỳ-kheo dùng trâm cài lên đầu, không đến đúng giờ, nên bị đàn-việt chê trách, và cuối cùng Phật dạy: “Ta không cho phép dùng trâm. Trâm có các loại như: vàng, bạc, đồng, sắt, kim cương, đá, răng, xương, sừng, tre, gỗ. Nói chung, tất cả các loại tương tự như thế đều không được phép dùng. Thậm chí, nếu vì thích đẹp mà dùng nanh heo chải đầu thì phạm tội Việt tỳ-ni. Nhưng nếu khi đầu ngứa thì được dùng tay sạch cầm một vật gì đó cào lên đầu. Đó gọi là pháp dùng trâm”.

Kệ tóm tắt:

*“Tranh cãi và dập tắt,
Điều phục, việc điều phục.
Nghe pháp, dầu thoa mặt,
Phấn, lược, trâm, bàn chải.
Hết phần thứ mười ba”.*

PHÉP XÂY THÁP

Khi Phật du hành đến nước Câu-tát-la, có người Bà-la-môn đang cày đất, trông thấy Thế Tôn đi qua, ông ta bèn dừng cày đến lễ Phật. Thế Tôn thấy vậy liền mỉm cười. Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà Thế Tôn cười? Chúng con muốn được biết.

- Hôm nay ông Bà-la-môn này đánh lễ hai Đức Phật.

- Thế nào là hai Đức Phật, bạch Thế Tôn!

- Đó là đánh lễ Ta và đánh lễ tháp Phật Ca-diếp dưới chỗ bấp cày kia.

- Chúng con muốn được thấy tháp Phật Ca-diếp, bạch Thế Tôn!

- Các ông hãy đến xin ông Bà-la-môn này một nắm đất tại chỗ ấy.

Thế rồi, các Tỳ-kheo bèn đến hỏi xin, ông Bà-la-môn liền cho nắm đất. Khi ấy, Thế Tôn bèn làm ngôi tháp thất bảo của Phật Ca-diếp xuất hiện, cao một do-diên, bề mặt rộng nửa do-diên. Ông Bà-la-môn thấy thế liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Họ của con là Ca-diếp, và đây là ngôi tháp của Đức Phật Ca-diếp”.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bèn xây ngôi tháp của Đức Phật Ca-diếp tại nơi ấy. Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con được đắp đất vào không?

- Được.

Đoạn, Phật đọc kệ:

*“Dùng trăm ngàn gánh vàng,
Đem làm việc bố thí,
Không bằng dùng tâm lành,
Cung kính lễ tháp Phật”.*

Khi ấy, Đức Thế Tôn bèn xây tháp Phật Ca-diếp, dưới nền làm thành hình vuông, xung quanh đặt lan can, rồi xây lên hai tầng hình tròn, dựng bốn trụ ở bốn góc, bên trên trang trí lọng báu, để biểu hiện tướng bánh xe. Rồi Phật dạy: “Nguyên tắc làm tháp phải như thế”. Khi tháp hoàn thành, vì tôn kính Phật quá khứ nên Thế Tôn tự đánh lễ. Các Tỳ-kheo liền bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con được phép đánh lễ không?”. Phật dạy: “Được”. Đoạn, Ngài đọc kệ:

*“Ai dùng trăm ngàn vàng,
Đem làm việc bố thí, Không
bằng dùng tâm lành, Cung
kính lễ tháp Phật”.*

Bấy giờ, người đời nghe Thế Tôn xây tháp liền mang hương hoa đến dâng cho Thế Tôn. Vì lòng tôn kính Phật quá khứ nên Thế Tôn nhận hương hoa ấy rồi đem cúng dường tháp. Các Tỳ-kheo liền bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con được cúng dường tháp hay không?”. Phật dạy: “Được”. Thế rồi, Phật đọc kệ:

*“Dùng trăm ngàn xe vàng,
Đem làm việc bố thí, Không
bằng dùng tâm lành,*

Dem hương hoa cúng tháp”.

Khi ấy, đại chúng vân tập, Phật liền bảo Xá-lợi-phất thuyết pháp cho mọi người nghe, rồi Phật đọc kệ:

*“Trăm ngàn côi Diêm-phù,
Chứa đầy vàng bố thí,
Không bằng bố thí pháp,
Tùy nguyện khiến tu hành”.*

Bấy giờ, trong số cử tọa có người đắc đạo, nên Phật liền đọc kệ:

*“Dem vàng ròng chứa đầy,
Trăm ngàn thế giới thí,
Không bằng bố thí pháp,
Tùy nguyện thấy chân đế”.*

Khi ấy, Bà-la-môn đạt được niềm tin bất hoại, liền cúng dường trai phạn cho Phật và chúng Tăng ngay trước tháp. Đồng thời, vua Ba-tư-nặc nghe Đức Thế Tôn xây tháp cho Phật Ca-diếp, bèn truyền lệnh quân sĩ chở bảy trăm xe gạch đến chỗ Phật, và vua đi đến nơi, cúi đầu đánh lễ chân Phật rồi bạch:

- Bạch Thế Tôn! Con muốn mở rộng thêm ngôi tháp này có được không?

- Được, thưa Đại vương. Nay Đại vương, trong thời quá khứ khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, có vị vua tên Cát-lợi muốn xây tháp thất bảo, rồi có viên quan tâu với vua: “Trong đời vị lai sẽ có kẻ phi pháp xuất hiện, rồi hắn sẽ phá ngôi tháp này, vì thế mà mang trọng tội. Xin Đại vương hãy dùng gạch xây tháp, rồi dùng vàng bạc mà lợp lên trên. Nếu kẻ ấy gỡ lấy thứ vàng bạc đó thì ngôi tháp sẽ còn nguyên vẹn”. Nhà vua nghe theo lời viên quan nói, bèn dùng gạch xây tháp, rồi dùng vàng, lợp một lớp mỏng lên trên, cao một do-diên, bề mặt rộng nửa do-diên, lại dùng đồng làm lan can, trải qua bảy năm, bảy tháng, bảy ngày tháp mới hoàn thành. Khi tháp hoàn thành, vua bèn dùng hương hoa cúng dường tháp, đồng thời cúng dường chư Tăng”.

Vua Ba-tư-nặc liền bạch với Phật:

- Bạch Thế Tôn! vị vua ấy có phước đức nên được nhiều châu báu, nay con làm tháp đương nhiên không bằng vị ấy.

Đoạn, vua cho kiến tạo, trải qua bảy tháng, bảy ngày thì ngôi tháp hoàn thành. Sau khi ngôi tháp hoàn thành, vua bèn cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng.

Phương pháp làm tháp thì ở dưới chân xây hình vuông, xung quanh làm lan can, xây lên hai tầng hình tròn, dựng bốn trụ ở bốn góc,

bên trên trang trí lọng báu để biểu tượng cho tướng pháp luân.

Nếu ai nói: “Đức Thế Tôn đã đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si, vậy thì còn xây tháp để làm gì nữa?”, thì phạm tội Việt-tỳ-ni, phải chịu quả báo nặng nề.

Đó gọi là phương pháp xây tháp.

SỰ VIỆC LIÊN QUAN ĐẾN THÁP

Khi cất Thiền viện, trước hết phải quy định một chỗ đất tốt để làm tháp. Tháp không được xây ở phía Nam, không được xây ở phía Tây (Thiền viện) mà nên xây ở hướng Đông và hướng Bắc. Không được để cho đất của Tăng xâm lấn đất của Phật, đất của Phật cũng không được xâm lấn đất của Tăng. Nếu tháp ở gần rừng tử thi, rồi chó ăn đồ thừa tha đến bỏ làm dơ đất tháp, thì nên xây tường chung quanh. Đồng thời nên xây Tăng phòng ở phía Tây hoặc phía Nam. Không được để cho nước ở chỗ đất của Tăng chảy vào chỗ đất của Phật, nhưng nước ở chỗ đất của Phật có thể chảy vào đất của Tăng. Tháp nên xây ở chỗ cao ráo. Không được giặt, nhuộm, phơi y phục, treo giày dép, vắt khăn trùm đầu, khăn choàng vai, hoặc khắc nhỏ trong tháp viện.

Nếu ai nói: “Đức Thế Tôn đã đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si mà còn xây tháp để làm gì?”, thì phạm tội Việt tỳ-ni. Người ấy sẽ mắc tội báo nặng nề.

Đó gọi là sự việc liên quan đến tháp.

LÀM TRANG THỜ NƠI THÁP

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật cúi đầu đánh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con đã xây tháp cho Phật Ca-diếp, vậy có được làm trang thờ hay không?”.

Phật dạy: “Được”. Rồi Ngài tiếp: “Trong thời quá khứ, sau khi Đức Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, vua Cát-lợi bèn xây tháp cho Phật, rồi làm trang thờ ở bốn phía, bên trên đặt hình sư tử và vẽ các thứ khác, ở đằng trước đặt lan can để trang trí hoa, còn trong trang thờ treo các bức họa và cờ phướn, lọng báu.

Nếu ai nói: “Đức Thế Tôn đã đoạn trừ tham dục, sân hận, ngu si, chỉ cần lấy đó làm vật trang sức để mà thọ lạc”, thì phạm tội Việt tỳ-ni. Người ấy sẽ chuốc lấy nghiệp báo nặng nề. Đó gọi là cách làm trang thờ ở nơi tháp.

TRỒNG VƯỜN HOA XUNG QUANH THÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Con được mở khu vườn ở nơi tháp Phật Ca-diếp hay không?”

Phật dạy: “Được mở”. Rồi Ngài tiếp: “Trong thời quá khứ, có vị vua tên Cát-lợi, sau khi Phật Ca-diếp Niết-bàn, vua đã xây tháp, rồi mở các hoa viên ở bốn phía. Hoa viên nơi tháp trồng các loại cây hoa như cây Am-bà-la, cây Diêm-phù, cây Phả-na-ta, cây Chiêm-bà, cây A-đề-mục-đa, cây Tư-ma-na, cây Long-hoa, cây Vô-ưu, chúng ra hoa tất cả mọi lúc.

Trong vườn này, khi cây ra hoa thì nên hái cúng dường tháp. Nếu đàn-việt nói: “Thưa Tôn giả, trong đây hoa thì để cúng dường Phật, còn trái thì cúng dường cho Tăng”, thì nên theo lời đề nghị của đàn-việt. Nếu hoa nhiều thì nên đem đưa cho nhà xâu hoa, nói: “Bà xâu chường này hoa thành vòng đưa cho tôi, số còn lại bà hãy đưa cho tôi chường ấy tiền”.

Nếu được tiền thì nên dùng để mua dầu thắp đèn, hương cúng dường Phật và dùng để sửa chữa tháp. Nếu số tiền nhiều thì nên nhập vào ngân khoản dùng để làm việc Phật.

Nếu ai nói: “Phật không còn dâm, nộ, si mà dùng vườn hoa trái này để làm gì?”, thì phạm tội Việt tỳ-ni, sẽ chuốc lấy quả báo nặng nề.

Đó gọi là phép trồng vườn hoa xung quanh tháp.

ĐÀO AO BÊN THÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật nói: “Này Đại vương, trong thời quá khứ, sau khi Phật Ca-diếp nhập Niết-bàn, vua Cát-lợi xây tháp cho Phật, bốn phía đào ao, trồng các loại hoa như hoa Ưu-bát-la, hoa Ba-đâu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi. Nay Đại vương cũng nên đào ao. Ao được đào ở bốn phía tháp, trong ao nên trồng các loại tạp hoa để cúng dường tháp Phật. Nếu còn dư thì nên đem bán cho người xâu hoa, rồi lấy tiền. Nếu số tiền ấy dùng không hết thì nên bỏ vào ngân quỹ của Tam-bảo. Không được giặt y, rửa tay, rửa mặt, rửa bát trong ao. Nhưng ở cuối đường nước từ ao chảy ra thì tùy ý dùng, không có tội. Đó gọi là phép đào ao ở cạnh tháp.

LÀM CHI-ĐỀ Ở CẠNH THÁP

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến Phật nói: “Này Đại vương, Đại vương được làm chi-đề. Trong thời quá khứ, sau khi Phật Ca-diếp Niết-bàn, vua Cát-lợi bèn xây tháp cho Phật, rồi kiến lập chi-đề ở bốn phía tháp, đồng thời cho chạm khắc và vẽ các hình ảnh. Nay Đại vương cũng nên làm chi-đề. Nơi nào có thờ xá-lợi thì gọi là tháp; nơi nào không có xá-lợi thì chỉ gọi là chi-đề. Các chi-đề (tháp) ở những nơi Phật đản sinh, thành đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết-bàn, hoặc tượng Bồ-tát, hang Phật-bích-chi, dấu chân Phật, nên dâng hoa và các phẩm vật cúng dường.

Nếu có ai nói: “Phật đã đoạn trừ hết tham dục, sân hận, ngu si mà còn xây chi-đề để cúng dường làm chi”, thì phạm tội Việt tỳ-ni, sẽ chuốc lấy nghiệp báo nặng nề. Đó gọi là làm chi-đề ở cạnh tháp.

PHẨM VẬT CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, cho đến các Tỳ-kheo bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Có được dùng phẩm vật cúng dường tháp để cúng dường chi-đề không?”

Phật dạy: “Được. Nếu vào các ngày Phật đản sinh, thành đạo, chuyển pháp luân, năm năm đại hội một lần, mà nhận được các phẩm vật cúng dường, thì nên chọn những thứ tốt nhất đem cúng dường tháp Phật, còn những thứ kém hơn đem cúng dường chi-đề”.

Nếu có người nói: “Phật đã dứt sạch dâm, nộ, si mà còn dùng cờ phướn, lọng báu cúng dường làm gì”, thì phạm tội Việt tỳ-ni, sẽ chuốc lấy nghiệp báo nặng nề. Đó gọi là phẩm vật cúng dường.

DÙNG KỸ NHẠC CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, đứng sang một bên, rồi bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Có thể dùng kỹ nhạc để cúng dường tháp Phật được không?”

Phật đáp: “Được. Sau khi Phật Ca-diếp Niết-bàn, vua Cát-lợi dùng ca múa, kỹ nhạc cúng dường tháp Phật, nay Đại vương cũng nên cúng dường. Khi Như Lai tại thế, hoặc sau khi nhập Niết-bàn đều có thể dùng hương hoa, kỹ nhạc, các thứ y phục, ẩm thực để cúng dường, vì lợi ích cho cuộc đời, khiến cho tất cả chúng sinh được an lạc lâu dài”.

Nếu ai nói: “Đức Thế Tôn không còn dâm, nộ, si mà dùng các thứ kỹ nhạc này cúng dường làm chi nữa”, thì phạm tội Việt tỳ-ni, sẽ chuốc lấy quả báo nặng nề. Đó gọi là cách dùng kỹ nhạc để cúng dường.

THU DỌNG CỤ CÚNG DƯỜNG

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con được phép thu vật dụng cúng dường chi-đề hay không?”.

Phật đáp: “Được”. Thu dọn trong các dịp: ngày Phật đản sinh, thành đạo, chuyển pháp luân, năm năm đại hội một lần. Khi đem cờ phướn, lọng báu ra cúng dường chi-đề trong các dịp ấy mà gặp mưa gió bất ngờ ập đến, thì tất cả Tăng chúng phải cùng nhau thu dọn. Không ai được nói: “Tôi là Thượng tọa, là người sống ở A-luyện-nhã, là người khát thực, là người mặc y phẩn tảo, là người có đức lớn, còn các ông nhờ vào đó mà sống thì phải tự thu lấy”. Nếu mưa gió xảy đến bất ngờ thì phải cùng nhau thu dọn, tùy theo phòng nào ở gần thì cất tạm nơi ấy. Không ai được phép, vì giữ phòng mình mà nói: “Để ở phía trước đó”. Nếu bị ướt thì nên đem phơi khô, hoặc bị bụi bặm thì nên đập giũ cho sạch rồi chất đống lại. Nếu ai nói: “Tôi là Thượng tọa, là người sống ở A-luyện-nhã, là người khát thực, là người mặc y phẩn tảo, là người có đức lớn”, thì phạm tội Việt tỳ-ni. Đó gọi là thu dọn dụng cụ cúng dường.

TRƯỜNG HỢP GẶP TAI NẠN

Khi Phật an trú tại thành Xá-vệ, lúc ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly đi đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ dưới chân, rồi bạch với Phật: “Bạch Thế Tôn! Nếu gặp tai nạn bất ngờ xảy đến thì đối với vật của tháp, của Tăng phải làm sao?”.

Phật dạy: “Nếu bọn giặc yếu thế, thì nên đến xin vua che chở. Nếu vua nói: “Tôn giả cứ ở yên đó, đừng sợ, khi nào tôi không tảo trừ được bọn chúng thì tùy ý Tôn giả”, thì khi ấy nên cân nhắc xem thế lực của vua mạnh hay yếu, nếu thấy thế lực của giặc mạnh hơn, thì nên ngấm sai người tín cẩn đến chỗ lãnh tụ của giặc xin chúng bảo vệ. Còn nếu như vua nói: “Nay tôi còn phải sợ giặc, thì làm sao che chở cho các vị được. Tôn giả hãy đến bọn giặc mà xin chúng bảo vệ”, thì nên xem xét bọn giặc. Nếu chúng có tà kiến không tin pháp Phật, không thể theo

đường chính, thì không được bỏ vật đó rồi đi, mà nên sai người tín cẩn đem giấu vật của Phật, của Tăng, rồi để ý theo dõi bọn giặc, đừng để chúng đến bất ngờ. Nếu bọn giặc đến gấp, chưa cất giấu kịp, thì vật của Phật nên đem trang hoàng tượng Phật, còn tọ cụ của tăng thì nên đem trải ra, dọn các thức ăn lên đó, để cho bọn giặc thấy rõ. Đoạn, sai một Tỳ-kheo trẻ tuổi núp ở chỗ khuất trông chừng bọn giặc. Nếu bọn giặc đến, thấy các dụng cụ cúng dường rồi, chúng khởi tâm từ hỏi như sau: “Có Tỳ-kheo trong đó hay không? Đừng sợ, hãy ra cả đây”. Khi ấy, Tỳ-kheo trẻ tuổi nên xem xét, nếu trường hợp có giặc đến đột ngột chưa cất giấu các vật được, thì nên nói: “Tất cả các hành đều vô thường”, rồi bỏ đi. Đó gọi là trường hợp gặp nạn”.

Kệ tóm tắt:

*“Xây tháp, việc của tháp
Trang thờ tháp, vườn tháp.
Ao tháp và chi-đề,
Kỹ nhạc, vật cúng dường.
Thu dọn, hương hoa, nạn,
Hết phần thứ mười bốn.*

(Tóm tắt toàn bộ phần tạp tụng):

*Thọ cụ túc, Yết-ma,
Cử tội và Bố-tát.
Bị bệnh, việc Tỳ-ni,
Vật nặng và ăn tối.
Giết vật cúng, đao trị,
Phương tiện thọ chúng sinh.
Diệt trâu-bà cuối cùng”.*

